

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Hà Nội, tháng 08 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	2
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	3 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét của Công ty tại ngày 30/06/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Văn Tiền	Chủ tịch
Ông Bùi Trung Kiên	Thành viên
Ông Hoàng Văn Tùy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lương Thành Trung	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 06/08/2015)
Bà Phạm Thị Vân	Kế toán trưởng (bỏ nhiệm ngày 06/08/2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Trong việc lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc cam đoan:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 4, 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang

quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787

W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 270 /VACO/BCTLATTC.NV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30/06/2015 được lập ngày 14/08/2015 từ trang 3 đến trang 11 kèm theo. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập tuân thủ Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 01, việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0517-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Phạm Xuân Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1450-2013-156-1

Văn phòng Hồ Chí Minh
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ, P.15
Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3840 6618; Fax: (84-8) 3840 6616

Văn phòng Hải Phòng
499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-31) 353 4655; Fax: (84-31) 353 4316

Công ty Cổ phần Chứng khoán
An Bình

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

V/v: Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
Tại thời điểm 30/06/2015

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Vân



Tạ Thị Hồng Hà



Nguyễn Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Số 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ

Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tại ngày 30/06/2015

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	397.000.000.000	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-
5	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
6	Quỹ dự phòng tài chính	5.973.357.884	-	-
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật	18.653.024.130	-	-
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-	-	-
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-	-	-
13	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính	-	1.105.075.451	311.100.250
1A	TỔNG			420.832.406.813

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Số 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ

Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tại ngày 30/06/2015

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8	-	-	-
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5	-	-	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn			
1	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
2	Trả trước cho người bán	-	374.891.579	-
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
5	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-
IV	Hàng tồn kho	-	-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác			
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	1.648.076.526	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Tạm ứng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
1B	TỔNG			2.022.968.105

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHSố 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Tại ngày 30/06/2015

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-	-
II	Tài sản cố định	-	144.582.847.179	-
III	Bất động sản đầu tư	-	-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8	-	-	-
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5	-	-	-
4	Đầu tư dài hạn khác	-	20.000.000.000	-
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
V	Tài sản dài hạn khác	-	10.659.736.286	-
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5	-	-	-
1C	TỔNG			175.242.583.465
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C			243.566.855.243



Nguyễn Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Phạm Thị Vân
Kế toán trưởng

Quách Thị Xuân Thu
Người lập biểu

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị: VND

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số	Quy mô	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1)x(2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				
1.	Tiền mặt (VND)	0%	170.673.834.814	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0%	-	-
3.	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%	-	-
II. Trái phiếu chính phủ				
4.	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5.	Trái phiếu chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ các nước thuộc khối CECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, IADC, AFDB, EIB và EBRD	3%	-	-
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm	3%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến 5 năm	4%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên	5%	-	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp				6.000.000.000
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	20.000.000.000	6.000.000.000
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số	Quy mô	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1)x(2)
IV. Cổ phiếu				18.111.388.364
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	17.055.663.700	1.705.566.370
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	837.819.200	125.672.880
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	2.607.100	521.420
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	32.559.255.388	16.279.627.694
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				-
13.	Quỹ đại chúng	10%	-	-
14.	Quỹ thành viên	30%	-	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				4.305.000
15.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ năm trở đi	40%	-	-
16.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	8.610.000	4.305.000
VII. Chứng khoán khác				9.145.000.000
17.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
18.	Các tài sản đầu tư khác	80%	11.431.250.000	9.145.000.000
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				
	Chỉ tiết tới từng mã chứng khoán	Mức	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1.	0	0%	-	-
2.	...			
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				33.260.693.364

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

B. RỦI RO THANH TOÁN								
Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán								249.619.108
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản cho vay không có tài sản bảo đảm	-	-	-	-	-	800.000	800.000
2	Cho vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	-	-	-	-	-	-	-
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	248.819.108	248.819.108
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán								17.488.086.597
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro				Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro
1	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%						-
2	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%				-		-
3	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%				-		-
4	Từ 60 ngày trở lên	100%				17.488.086.597		17.488.086.597
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)								
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác					Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro
1								
2								
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)								17.737.705.705

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)		
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	80.612.174.457
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	14.245.640.460
	1. Chi phí khấu hao	4.733.216.976
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	606.294.147
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	8.906.129.337
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	66.366.533.997
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	16.591.633.499
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	60.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})		60.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		110.998.399.069

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	33.260.693.364
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	17.737.705.705
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	60.000.000.000
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	110.998.399.069
5	Vốn khả dụng	243.566.855.243
6	Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4)	219,43



Nguyễn Thanh Hải
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Phạm Thị Vân
 Kế toán trưởng

Quách Thị Xuân Thu
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình ("Công ty") được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013960 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/09/2006; Giấy phép thành lập và hoạt động số 16/UBCK-GPHĐKD ngày 29/09/2006, Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 365/UBCK-GP ngày 02/11/2010 và Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 178/UBCK-GP ngày 10/12/2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 397.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2015 là 97 người (tại ngày 31/12/2014 là 80 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập và trình bày tuân thủ theo Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty.



Nguyễn Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Phạm Thị Vân
Kế toán trưởng

Quách Thị Xuân Thu
Người lập biểu